

Bản án số: 297/2024/DS-ST
Ngày 16 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hui và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hui và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn B, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Huỳnh Chí T, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Châu Kiều Tr, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Lâm Văn B, thể hiện:

Ông Huỳnh Chí T, bà Châu Kiều Tr tham gia 01 chung trong dây hui do ông B mở ngày 25/11/2020 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 chung, ông T, bà Tr hót ở lần thứ ba được số tiền 24.400.000 đồng, sau khi hót ông T, bà Tr không đóng đủ hui chết và tính đến ngày mãn hui (ngày 08/8/2023 âm lịch) thì còn thiếu lại 20 kỳ bằng 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 29/12/2021 âm lịch, ông T, bà Tr mượn ông B 51.000.000

đồng, thỏa thuận đến tháng 12/2022 âm lịch sẽ trả, đến thời gian quy định, ông T bà Tr không trả cho ông B.

Từ nguyên nhân trên, ông B yêu cầu ông T và bà Tr trả số tiền hội còn thiếu 20.000.000 đồng và tiền mượn 51.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B yêu cầu đối với số tiền mượn yêu cầu ông T, bà Tr trả một lần, đối với tiền hội mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

** Lời trình bày tại phiên tòa của ông Huỳnh Chí T, thể hiện:*

Ông T thừa nhận cùng bà Tr tham gia 01 chung hội do ông B mở, hiện nay còn thiếu lại số tiền 20.000.000 đồng; ngoài ra, ông T và bà Tr có mượn của ông B số tiền 51.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý cùng bà Tr trả cho ông B số tiền 71.000.000 đồng nhưng do hiện nay điều kiện gia đình hết sức khó khăn nên yêu cầu được trả từ từ, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ nêu trên.

** Đối với bà Châu Kiều Tr:* Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà Tr không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Châu Kiều Tr đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Lâm Văn B phù hợp với lời trình bày của ông Huỳnh Chí T, phù hợp với danh sách hội ngày 25/11/2020 âm lịch, thể hiện ông T, bà Tr tham gia 01 chung của dây hội do ông B làm đầu thảo, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 36 chung; ông T, bà Tr đã hót chung hội này ở lần thứ ba được số tiền 24.400.000 đồng (ông T có làm biên nhận nhận số tiền này), sau đó ông T, bà Tr đóng hội không đầy đủ và tính đến khi mãn hội (ngày 08/8/2023 âm lịch) thì ông T, bà Tr còn thiếu lại 20 lần với số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 29/12/2021 âm lịch, ông T, bà Tr mượn ông B 51.000.000 đồng, thỏa thuận đến tháng 12/2022 âm lịch sẽ trả (ông T có làm biên nhận nhận số tiền này). Đối với bà Tr đã được tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối về nội dung ông B khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do vậy có căn cứ xác định ông T, bà Tr còn thiếu ông B số tiền hội là 20.000.000 đồng và số tiền mượn là 51.000.000 đồng nên ông B yêu cầu ông T, bà Tr trả lại các khoản tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về phương thức trả nợ giữa các đương sự, thấy rằng: Yêu cầu này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự, khi bản án có hiệu lực

pháp luật ông B có quyền yêu cầu đến Chi cục Thi hành án dân sự xem xét quyết định về phương thức trả nợ và không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà Tr phải chịu: $71.000.000 \text{ đồng} \times 5\% \times 50\% = 1.775.000 \text{ đồng}$ (ông T, bà Tr có đơn xin giảm án phí nên được xét giảm 50%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; các điều 16 và 19 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn B.

Buộc ông Huỳnh Chí T, bà Châu Kiều Tr trả lại cho ông B tổng số tiền 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng). Trong đó, tiền hội 20.000.000 đồng và tiền mượn là 51.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông B cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Chí T, bà Châu Kiều Tr phải chịu 1.775.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Lâm Văn B không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông B số tiền đã nộp tạm ứng 887.500 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001682 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn